



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2019



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Quyết định thành lập số** 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
	Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
	Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
	Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
	Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên

<b>Cơ quan Tổng Giám đốc</b>	Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2019)
	Ông Lê Mạc Thuán	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2019)
	Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
	Ông Cao Hữu Hiếu	Giám đốc Điều hành
	Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Đức Trị	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/1/2019)	

<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên
	Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên
	Bà Lê Thị Ánh Ngọc	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên

**Trụ sở đăng ký** 25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam** **Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 7 đến trang 82 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



**Lê Tiên Trường**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 7 đến trang 82.

### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Ngoại trừ giới hạn phạm vi soát xét được đề cập trong phần Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ, chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## **Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 479.964 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 433.820 triệu VND). Phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam được hưởng như đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 125.524 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 83.438 triệu VND). Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú, cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này, nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi nhận cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thông tin so sánh có liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể được xác định là cần thiết đối với các số liệu này nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề này.

## **Kết luận soát xét ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 3(b) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 3(b) và vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

- Thuyết minh 28(a) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán mà trước đó đã được xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, giá trị sổ sách của khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp là 360.510 triệu VND (1/1/2019: 360.510 triệu VND). Cũng theo Công văn 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc giữa Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

- Thuyết minh 52 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó đề cập đến việc các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 đã được điều chỉnh lại.



Kết luận soát xét của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 không bị ngoại trừ về các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00183-1\*2-19-2



Wang Toan Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>10.220.370.981.135</b>	<b>10.772.264.170.794</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>10</b>	<b>589.643.396.532</b>	<b>1.591.051.847.226</b>
Tiền	111		255.419.241.229	300.809.348.604
Các khoản tương đương tiền	112		334.224.155.303	1.290.242.498.622
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.358.671.041.330</b>	<b>530.964.535.704</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11(a)	1.358.671.041.330	530.964.535.704
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.600.622.190.712</b>	<b>3.506.098.485.161</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12	2.438.421.397.310	2.327.069.170.076
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		386.846.140.022	201.282.072.077
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	13	176.677.155.208	172.522.442.156
Phải thu ngắn hạn khác	136	14(a)	925.216.059.283	1.128.786.266.023
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	15	(327.931.313.228)	(324.757.707.864)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.392.752.117	1.196.242.693
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>16</b>	<b>4.373.129.263.435</b>	<b>4.843.699.346.538</b>
Hàng tồn kho	141		4.467.541.591.197	4.963.162.189.914
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(94.412.327.762)	(119.462.843.376)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>298.305.089.126</b>	<b>300.449.956.165</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	22(a)	50.613.517.698	26.685.313.545
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		235.445.409.108	258.541.452.805
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	26(a)	12.246.162.320	15.223.189.815

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>10.958.142.136.213</b>	<b>11.122.596.521.884</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>326.202.554.974</b>	<b>337.967.514.004</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		6.734.400.000	6.538.300.000
Phải thu dài hạn khác	216	14(b)	423.523.149.770	450.751.808.800
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	15	(104.054.994.796)	(119.322.594.796)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.198.316.425.358</b>	<b>7.365.097.360.609</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	17	7.002.267.567.342	7.178.171.661.284
Nguyên giá	222		13.620.240.242.431	13.636.054.984.364
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.617.972.675.089)	(6.457.883.323.080)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	18	66.140.704.849	54.262.989.793
Nguyên giá	225		72.059.850.662	63.165.850.569
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.919.145.813)	(8.902.860.776)
Tài sản cố định vô hình	227	19	129.908.153.167	132.662.709.532
Nguyên giá	228		169.527.298.724	170.074.055.243
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.619.145.557)	(37.411.345.711)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>20</b>	<b>278.745.571.483</b>	<b>178.515.423.788</b>
Nguyên giá	231		334.737.282.710	211.317.729.648
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(55.991.711.227)	(32.802.305.860)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>389.875.719.238</b>	<b>690.509.110.384</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	21	389.875.719.238	690.509.110.384
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.395.669.871.395</b>	<b>2.142.822.165.620</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	11(b)	2.185.568.249.309	1.919.384.959.300
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11(b)	238.606.679.068	245.927.489.068
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11(b)	(31.610.056.982)	(25.795.282.748)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	11(a)	3.105.000.000	3.305.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>369.331.993.765</b>	<b>407.684.947.479</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	22(b)	363.639.464.268	398.023.838.864
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	23	5.111.170.564	5.993.370.726
Tài sản dài hạn khác	268		581.358.933	581.358.933
Lợi thế thương mại	269	24	-	3.086.378.956
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>21.178.513.117.348</b>	<b>21.894.860.692.678</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>13.451.670.210.307</b>	<b>13.898.761.746.966</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.423.366.347.278</b>	<b>8.778.639.941.963</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	25	1.121.501.484.336	1.312.440.236.730
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		217.994.196.348	189.207.720.335
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	26(b)	52.926.714.435	82.331.611.264
Phải trả người lao động	314		420.809.403.500	588.180.295.163
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	27(a)	101.948.554.996	112.421.333.997
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.582.968.809	10.990.211.459
Phải trả ngắn hạn khác	319	28(a)	516.890.446.430	604.149.072.236
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	30(a)	5.802.919.886.331	5.727.826.476.476
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		90.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	32	181.702.692.093	151.092.984.303
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.028.303.863.029</b>	<b>5.120.121.805.003</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		22.661.112.308	15.294.587.874
Chi phí phải trả dài hạn	333	27(b)	24.665.472.000	24.665.472.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	29	261.759.536.506	233.241.961.588
Phải trả dài hạn khác	337	28(b)	80.621.861.505	87.081.581.052
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	30(b)	4.510.360.177.285	4.633.405.784.037
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	57.627.428.127	55.700.980.180
Dự phòng phải trả dài hạn	342	31	70.583.247.715	70.676.377.590
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		25.027.583	55.060.682

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>33</b>	<b>7.726.842.907.041</b>	<b>7.996.098.945.712</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>7.697.482.695.549</b>	<b>7.965.717.920.710</b>
Vốn cổ phần	411	34	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Vốn khác của chủ sở hữu	414		45.164.630.739	42.248.630.739
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(734.732.375.711)	(740.362.454.896)
Quỹ đầu tư phát triển	418	36	541.859.121.122	526.746.543.959
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		480.005.335.256	657.194.845.550
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		258.023.016.045	219.098.282.370
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		221.982.319.211	438.096.563.180
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	37	550.677.792.232	550.677.792.232
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.784.596.541.019	1.899.300.912.234
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>29.360.211.492</b>	<b>30.381.025.002</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		29.360.211.492	30.381.025.002
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>21.178.513.117.348</b>	<b>21.894.860.692.678</b>

Ngày 23 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán




Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	39	9.352.623.932.868	9.406.230.634.475
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	39	21.996.887.540	13.983.695.446
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>39</b>	<b>9.330.627.045.328</b>	<b>9.392.246.939.029</b>
Giá vốn hàng bán	11	40	8.544.189.121.564	8.471.177.475.119
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>786.437.923.764</b>	<b>921.069.463.910</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	41	141.721.210.138	164.926.324.181
Chi phí tài chính	22	42	302.036.632.456	275.202.670.776
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>256.670.540.096</i>	<i>204.965.834.959</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		367.396.321.419	338.772.045.627
Chi phí bán hàng	25	43	264.873.553.563	245.120.210.179
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	44	382.029.950.326	413.697.392.153
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>346.615.318.976</b>	<b>490.747.560.610</b>
Thu nhập khác	31	45	52.903.454.841	33.683.644.488
Chi phí khác	32	46	29.891.172.482	20.145.337.069
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>23.012.282.359</b>	<b>13.538.307.419</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>369.627.601.335</b>	<b>504.285.868.029</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	48	18.236.185.187	41.149.540.022
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	48	2.808.648.109	5.436.943.411
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>348.582.768.039</b>	<b>457.699.384.596</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	<b>60</b>		<b>348.582.768.039</b>	<b>457.699.384.596</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		221.982.319.211	278.950.543.540
Cổ đông không kiểm soát	62		126.600.448.828	178.748.841.056
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		<b>49</b>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		384	558
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		346	503

Ngày 23 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
 Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiên Trường  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>369.627.601.335</b>	<b>504.285.868.029</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		448.579.815.977	466.172.341.888
Các khoản dự phòng	03		(31.332.865.891)	10.772.529.025
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.371.435.707	36.553.824.938
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(485.198.743.475)	(473.442.552.122)
Chi phí lãi vay	06		256.670.540.096	204.965.834.959
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>566.717.783.749</b>	<b>749.307.846.717</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(714.757.560.413)	23.069.454.562
Biến động hàng tồn kho	10		334.355.142.974	(586.108.826.990)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		584.688.115	(47.257.544.401)
Biến động chi phí trả trước	12		(9.254.581.416)	10.354.385.541
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	45.894.458.000
			<b>177.645.473.009</b>	<b>195.259.773.429</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(252.473.896.352)	(200.702.672.860)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(21.621.343.027)	(31.708.110.008)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	26.025.932
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(69.119.126.069)	(85.147.292.345)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(165.568.892.439)</b>	<b>(122.272.275.852)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(353.230.768.966)	(622.274.208.808)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		19.263.901.041	10.574.297.295
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(996.551.985.801)	(335.051.019.106)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn	24		159.694.667.123	114.826.543.245
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(2.025.610.010)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		7.320.810.000	83.748.696.265
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		436.025.104.308	409.364.160.444
Ảnh hưởng thuần của việc thoái vốn đầu tư vào công ty con		9	25.935.909.939	22.960.842.068
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(701.542.362.356)</b>	<b>(317.876.298.607)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		20.036.560.000	12.475.730.500
Tiền thu từ đi vay	33		9.465.109.392.652	8.191.499.849.949
Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.115.832.797.900)	(7.363.576.917.305)
Tiền trả cổ tức	36		(505.940.205.108)	(155.992.403.438)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(136.627.050.356)</b>	<b>684.406.259.706</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.003.738.305.151)</b>	<b>244.257.685.247</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.591.051.847.226</b>	<b>1.496.319.038.319</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>2.329.854.457</b>	<b>1.563.536.926</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>10</b>	<b>589.643.396.532</b>	<b>1.742.140.260.492</b>

Ngày 23 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán


M.S. 0100100008 - C.T.C.P  
TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
Q. HOÀN KIẾM, T. HÀ NỘI

Lê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại sơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
  - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 40 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 33 công ty liên kết (1/1/2019: 46 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 31 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 như sau:

<b>Loại công ty</b>	<b>Số lượng đơn vị</b>	<b>Tham chiếu</b>
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	15	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	17	Xem Phụ lục 2
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8	Xem Phụ lục 3
	<hr/>	
	40	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	33	Xem Phụ lục 4
	<hr/>	
	73	
	<hr/>	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn có 32.607 nhân viên (1/1/2019: 37.278 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ như được trình bày ở Thuyết minh 3(b).

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn ở Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Nếu Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ cùng giảm 7.573 triệu VND (1/1/2019: 9.088 triệu VND) và chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 lần lượt sẽ giảm và tăng cùng một khoản là 1.515 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm và tăng cùng một khoản là 1.515 triệu VND).

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của công ty mẹ Tập đoàn**

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
- Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
- Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(t)(viii)).

**(iv) Đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**(v) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Hàng tồn kho được sản xuất và để bán*

Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

*Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai*

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

*Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai*

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

**(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

*Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyên	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 10 năm

**(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

**(j) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban lãnh đạo công ty con tương ứng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 – 50 năm
- hạ tầng khu công nghiệp 4 – 45 năm

**(l) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(m) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(ii) Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước**

Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iv) Phụ tùng thay thế**

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

**(v) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(vi) Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(b), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

**(vii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(n) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

**(o) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(q) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

**(r) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(s) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(t) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

**(v) Doanh thu cho thuê lại đất thuê**

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(vii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(viii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(d)(iii)).

**(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(v) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(w) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(x) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

**(y) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Ngoài vấn đề được trình bày trong Thuyết minh 3(b) và Thuyết minh 28(a), Tập đoàn không có các khoản mục bất thường nào khác có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn**

Ngoại trừ những thay đổi được trình bày ở Thuyết minh 9, không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **8. Báo cáo bộ phận**

### **(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất; và
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.402.075.498.637	1.280.005.663.470	648.545.883.221	-	9.330.627.045.328
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.740.573.888.520	179.892.369.269	12.628.189.784	(1.933.094.447.573)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</b>	<b>9.142.649.387.157</b>	<b>1.459.898.032.739</b>	<b>661.174.073.005</b>	<b>(1.933.094.447.573)</b>	<b>9.330.627.045.328</b>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	360.986.547.469	1.450.240.881	4.959.533.069	-	367.396.321.419
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>132.223.463.069</b>	<b>8.645.332.565</b>	<b>37.462.708.825</b>	<b>168.283.814.517</b>	<b>346.615.318.976</b>
Thu nhập khác	69.507.079.305	921.620.540	1.694.513.284	(19.219.758.288)	52.903.454.841
Chi phí khác	(32.288.442.564)	(8.282.455.818)	(441.479.978)	11.121.205.878	(29.891.172.482)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(10.141.274.061)	(531.163.003)	(7.563.748.123)	-	(18.236.185.187)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	(2.808.648.109)	(2.808.648.109)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>	<b>159.300.825.749</b>	<b>753.334.284</b>	<b>31.151.994.008</b>	<b>157.376.613.998</b>	<b>348.582.768.039</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	8.261.935.286.200	503.412.080.285	626.899.572.544	-	9.392.246.939.029
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.345.028.451.866	125.895.247.762	10.615.048.016	(1.481.538.747.644)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</b>	<b>9.606.963.738.066</b>	<b>629.307.328.047</b>	<b>637.514.620.560</b>	<b>(1.481.538.747.644)</b>	<b>9.392.246.939.029</b>
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	332.861.664.639	1.337.250.923	4.573.130.065	-	338.772.045.627
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>288.881.219.296</b>	<b>2.498.443.908</b>	<b>46.975.737.764</b>	<b>152.392.159.642</b>	<b>490.747.560.610</b>
Thu nhập khác	33.464.431.459	37.907.440	297.657.639	(116.352.050)	33.683.644.488
Chi phí khác	(20.030.583.996)	(60.104.708)	(171.000.415)	116.352.050	(20.145.337.069)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(32.432.602.004)	(358.973.816)	(8.357.964.202)	-	(41.149.540.022)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	(5.436.943.411)	(5.436.943.411)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>	<b>269.882.464.755</b>	<b>2.117.272.824</b>	<b>38.744.430.786</b>	<b>146.955.216.231</b>	<b>457.699.384.596</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>					
Tài sản của bộ phận	22.315.785.419.906	144.963.845.105	2.821.967.591.514	(6.289.771.988.486)	18.992.944.868.039
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.438.661.898.043	412.560.000	307.875.000	746.185.916.266	2.185.568.249.309
<b>Tổng tài sản</b>	<b>23.754.447.317.949</b>	<b>145.376.405.105</b>	<b>2.822.275.466.514</b>	<b>(5.543.586.072.220)</b>	<b>21.178.513.117.348</b>
Tổng nợ phải trả của bộ phận	13.941.454.718.879	373.587.709.567	2.170.560.026.188	(3.033.932.244.327)	13.451.670.210.307
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>					
Chi tiêu vốn	338.006.421.113	1.693.220.000	34.312.871.160	(20.781.743.307)	353.230.768.966
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	413.993.401.732	881.995.643	17.282.702.009	(366.485.185)	431.791.614.199
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	2.798.278.905	-	-	-	2.798.278.905
Khấu hao tài sản cố định vô hình	2.568.329.258	-	37.857.144	-	2.606.186.402
Khấu hao bất động sản đầu tư	904.281.518	103.867.002	2.112.799.417	-	3.120.947.937

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>					
Tài sản của bộ phận	23.867.489.518.961	290.604.031.400	2.219.906.416.495	(6.402.524.233.478)	19.975.475.733.378
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.473.703.117.650	412.560.000	307.875.000	444.961.406.650	1.919.384.959.300
<b>Tổng tài sản</b>	<b>25.341.192.636.611</b>	<b>291.016.591.400</b>	<b>2.220.214.291.495</b>	<b>(5.957.562.826.828)</b>	<b>21.894.860.692.678</b>
<b>Tổng nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>14.629.635.922.217</b>	<b>1.355.669.156.700</b>	<b>1.021.630.501.574</b>	<b>(3.108.173.833.525)</b>	<b>13.898.761.746.966</b>
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>					
Chi tiêu vốn	603.696.308.899	-	19.881.967.483	(1.304.067.574)	622.274.208.808
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	427.852.470.008	851.679.447	16.519.702.375	(1.423.925.739)	443.799.926.091
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	1.724.646.342	-	-	-	1.724.646.342
Khấu hao tài sản cố định vô hình	2.618.632.909	-	14.013.168	-	2.632.646.077
Khấu hao bất động sản đầu tư	850.150.844	103.867.002	1.552.488.479	(121.120.253)	2.385.386.072

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>			
Tổng doanh thu của bộ phận	3.226.606.076.925	6.104.020.968.403	9.330.627.045.328
Kết quả kinh doanh của bộ phận	421.284.371.398	365.153.552.366	786.437.923.764
			<hr/>
Thu nhập không phân bổ			509.117.531.557
Chi phí không phân bổ			(948.940.136.345)
			<hr/>
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			346.615.318.976
			<hr/>
Thu nhập khác			52.903.454.841
Chi phí khác			(29.891.172.482)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(21.044.833.296)
			<hr/>
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			348.582.768.039
			<hr/>
	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>			
Tổng doanh thu của bộ phận	2.927.734.340.966	6.464.512.598.063	9.392.246.939.029
Kết quả kinh doanh của bộ phận	389.930.129.313	531.139.334.597	921.069.463.910
			<hr/>
Thu nhập không phân bổ			503.698.369.808
Chi phí không phân bổ			(934.020.273.108)
			<hr/>
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			490.747.560.610
			<hr/>
Thu nhập khác			33.683.644.488
Chi phí khác			(20.145.337.069)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(46.586.483.433)
			<hr/>
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			457.699.384.596
			<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>			
Tài sản của bộ phận	1.748.452.956.662	748.883.267.442	2.497.336.224.104
Tài sản không phân bổ			18.681.176.893.244
			<hr/>
Tổng tài sản			21.178.513.117.348
			<hr/>
Nợ phải trả của bộ phận	847.054.160.750	515.102.632.242	1.362.156.792.992
Các khoản nợ không phân bổ			12.089.513.417.315
			<hr/>
Tổng nợ phải trả			13.451.670.210.307
			<hr/>
	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>			
Tài sản của bộ phận	1.449.317.872.006	754.275.662.283	2.203.593.534.289
Tài sản không phân bổ			19.691.267.158.389
			<hr/>
Tổng tài sản			21.894.860.692.678
			<hr/>
Nợ phải trả của bộ phận	848.798.926.031	668.143.618.908	1.516.942.544.939
Các khoản nợ không phân bổ			12.381.819.202.027
			<hr/>
Tổng nợ phải trả			13.898.761.746.966
			<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **9. Thoái vốn đầu tư ở các công ty con**

Trong kỳ, Tập đoàn có thoái vốn ở các công ty con như sau:

- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định với giá trị ghi sổ là 13,5 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định từ 91% xuống còn 46%. Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và của Tập đoàn.
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam với giá trị ghi sổ là 17,6 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty này từ 61% xuống còn 36%. Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và của Tập đoàn.
- Cổ đông thiểu số của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex đã mua thêm cổ phần; qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con này từ 51.1% xuống còn 48.15%. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.385.645.973
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	385.189.619.975
Hàng tồn kho	161.265.455.743
Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	26.696.891
Tài sản ngắn hạn khác	11.577.869.055
Phải thu dài hạn khác	123.594.391.065
Tài sản cố định hữu hình – nguyên giá	347.612.839.785
Tài sản cố định hữu hình – giá trị hao mòn lũy kế	(178.722.698.601)
Tài sản cố định vô hình – nguyên giá	2.494.783.884
Tài sản cố định vô hình – giá trị hao mòn lũy kế	(416.945.735)
Xây dựng cơ bản dở dang	68.799.630.403
Chi phí trả trước dài hạn	20.927.560.976
Tài sản dài hạn khác	11.154.810.000
Phải trả người bán ngắn hạn	(264.988.134.008)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(5.518.915.777)
Vay ngắn hạn	(338.163.572.008)
Vay dài hạn	(73.274.054.378)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.846.645.831)
<b>Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát</b>	<b>292.098.337.412</b>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 2	(95.152.880.606)
<b>Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 tại ngày mất quyền kiểm soát</b>	<b>196.945.456.806</b>
<b>Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 sau khi mất quyền kiểm soát</b>	<b>(160.648.770.721)</b>
Giá trị tài sản thuần chuyển nhượng	36.296.686.085
Lãi từ thoái vốn đầu tư vào công ty con	7.024.869.827
Tiền thu được từ thoái vốn	43.321.555.912
<b>Khoản tiền giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con</b>	<b>(17.385.645.973)</b>
<b>Khoản tiền thuần tăng lên do thoái vốn đầu tư vào công ty con</b>	<b>25.935.909.939</b>

Lãi phát sinh do thoái vốn đầu tư vào các công ty con được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Thuyết minh 41).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	22.130.833.729	16.920.805.207
Tiền gửi ngân hàng	233.288.407.500	283.754.219.697
Tiền đang chuyển	-	134.323.700
Các khoản tương đương tiền	334.224.155.303	1.290.242.498.622
	<hr/>	<hr/>
	589.643.396.532	1.591.051.847.226

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 7.562 triệu VND (1/1/2019: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 28(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm 165.666 triệu VND (1/1/2019: 135.637 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 30).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.358.671.041.330	1.375.472.852.602	530.964.535.704	543.493.025.325
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	905.000.000	(*)	1.105.000.000	(*)
▪ Trái phiếu	2.200.000.000	(*)	2.200.000.000	(*)
	<u>3.105.000.000</u>		<u>3.305.000.000</u>	

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 5,5% đến 7,3% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 4,3% đến 7,2%).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 và 1 tháng 1 năm 2019 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 1 tháng 1 năm 2019.

(ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 6% đến 7,5% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 6% đến 6,2%).

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2019			1/1/2019			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>							
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,82%	33,82%	57.965.172.430	33,82%	33,82%	64.199.589.933	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	427.774.484.071	30,40%	30,40%	388.508.188.710	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	54.283.200.149	46,93%	46,93%	133.278.207.241	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	30.287.383.486	27,00%	27,00%	30.532.399.417	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	87.144.158.876	27,69%	27,69%	89.723.687.471	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Đức Giang	35,20%	35,20%	52.361.843.968	35,20%	35,20%	45.042.195.764	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	103.996.525.958	35,01%	35,01%	114.913.854.882	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	40,40%	40,40%	85.448.513.742	40,40%	40,40%	85.375.621.301	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	479.964.106.298	17,86%	17,86%	432.023.595.402	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	143.142.572.033	22,05%	22,05%	141.253.222.287	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			663.200.288.298			394.534.396.892	(*)
			<b>2.185.568.249.309</b>			<b>1.919.384.959.300</b>	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2019				1/1/2019					
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đơn vị khác</b>										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	2.629.682.250	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	2.612.151.035
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>										
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	(11.047.595.992)	(*)	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội			211.368.638.733	(20.562.460.990)	(*)	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)
▪ Các khoản đầu tư khác					(*)			198.689.448.733	(25.795.282.748)	(*)
			<b>238.606.679.068</b>	<b>(31.610.056.982)</b>				<b>245.927.489.068</b>	<b>(25.795.282.748)</b>	

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 231.000 triệu VND (1/1/2019: 205.403 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 30).

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	1.919.384.959.300	1.888.606.874.259
Tăng do thoái vốn đầu tư vào các công ty con, công ty con trở thành công ty liên kết	75.773.913.929	-
Tăng do đầu tư vào công ty liên kết	-	7.500.000.000
Phần lãi trong công ty liên kết	367.396.321.419	338.772.045.627
Cổ tức nhận được	(176.986.945.339)	(163.764.034.337)
Khác	-	(1.410.750)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.185.568.249.309</b>	<b>2.071.113.474.799</b>

## 12. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan (*)	202.345.836.704	178.919.651.229
Phải thu các khách hàng khác	2.236.075.560.606	2.148.149.518.847
	<b>2.438.421.397.310</b>	<b>2.327.069.170.076</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, các khoản phải thu khách hàng có giá trị sổ là 339.808 triệu VND (1/1/2019: 418.212 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 30).

(\*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	76.325.389.056	68.972.221.743
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	67.594.048.784	67.594.048.784
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	55.819.077.684	42.316.046.239
Các công ty liên quan khác	2.607.321.180	37.334.463
	<b>202.345.836.704</b>	<b>178.919.651.229</b>

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thù Đức	95.000.000.000	-
Các công ty liên quan khác	7.600.000.000	1.470.042.156
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	66.600.000.000	161.600.000.000
Các công ty khác	7.477.155.208	9.452.400.000
	<b>176.677.155.208</b>	<b>172.522.442.156</b>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 7% đến 9% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 6,5% đến 10%).

**14. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	385.392.002.451	505.264.408.312
Phải thu lãi cho vay	93.113.119.945	130.356.488.347
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	20.000.000.000	20.000.000.000
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	225.000.000.000	225.000.000.000
Phải thu các khoản tạm ứng	39.804.841.699	50.363.943.192
Ký cược, ký quỹ	20.513.146.879	60.082.705.035
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	31.097.155.583	29.669.163.880
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	18.664.220.994	24.727.366.823
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	16.801.811.272	12.528.489.621
Phải thu người lao động	897.303.758	1.204.483.872
Phải thu về cổ phần hóa	5.218.333.324	5.218.333.324
Các khoản chi hộ	2.763.750.858	2.884.767.953
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm đang chờ xử lý	3.872.181.767	11.480.107.451
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu được hoàn	1.324.595.762	-
Phải thu khác	60.753.594.991	50.006.008.213
	<b>925.216.059.283</b>	<b>1.128.786.266.023</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Ngày 28 tháng 4 năm 2018, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, công ty con cấp 1 của Tập đoàn đã có biên bản thanh lý hợp đồng góp vốn vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tại Dự án Khu công nghiệp Đồng Mai trị giá 225 tỷ VND với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền này trước tháng 6 năm 2019. Khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này đang được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Cơ quan Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định điều chỉnh hồi tố thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 liên quan đến vấn đề này (Thuyết minh 52).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	195.000.000.000	195.000.000.000
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	-	12.600.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	98.550.000.000	46.920.720.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	1.600	16.602.062.400
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	-	98.550.000.000
Các công ty liên quan khác	40.798.948.804	36.522.953.200
	334.348.950.404	406.195.735.600

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	43.532.895.759	43.532.895.759
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	104.054.994.796	119.322.594.796
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	207.384.032.284	208.451.853.740
Ký quỹ, ký cược dài hạn	27.396.523.485	44.963.966.346
Phải thu dài hạn khác	41.154.703.446	34.480.498.159
	423.523.149.770	450.751.808.800

- (i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân.

**15. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2019			1/1/2019				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	34.945.572.750	(34.945.572.750)	-	Trên 3 năm	34.945.572.750	(34.945.572.750)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.343.792.764	(40.343.792.764)	-	Trên 3 năm	40.343.792.764	(40.293.065.415)	50.727.349
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập Khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	29.931.566.760	(29.931.566.760)	-	Trên 3 năm	29.931.566.760	(29.931.566.760)	-
Các khách hàng khác	Trên 2 năm	242.976.190.265	(222.710.380.954)	20.265.809.311	Trên 2 năm	227.110.520.085	(219.587.502.939)	7.523.017.146
		348.197.122.539	(327.931.313.228)	20.265.809.311		332.331.452.359	(324.757.707.864)	7.573.744.495
<b>Nợ trong hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>								
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		104.054.994.796	(104.054.994.796)	-		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-
<b>Trong đó:</b>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(327.931.313.228)				(324.757.707.864)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(104.054.994.796)				(119.322.594.796)	



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2019</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	460.799.627.922	-
Nguyên vật liệu	1.401.195.745.698	(14.445.149.177)
Công cụ và dụng cụ	14.620.396.915	(38.649.660)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.056.548.184.388	(3.203.832.303)
Thành phẩm	1.462.252.864.067	(74.877.133.500)
Hàng hóa	28.392.798.358	(1.847.563.122)
Hàng gửi đi bán	43.731.973.849	-
	4.467.541.591.197	(94.412.327.762)
	4.467.541.591.197	(94.412.327.762)
	<b>1/1/2019</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	241.188.774.983	-
Nguyên vật liệu	1.716.295.046.898	(25.800.856.949)
Công cụ và dụng cụ	13.333.729.930	(38.649.660)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.443.684.496.374	(6.432.009.319)
Thành phẩm	1.307.155.004.277	(85.233.153.971)
Hàng hóa	54.894.043.096	(1.958.173.477)
Hàng gửi đi bán	186.611.094.356	-
	4.963.162.189.914	(119.462.843.376)
	4.963.162.189.914	(119.462.843.376)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 840.147 triệu VND (1/1/2019: 837.054 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 30).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 337.752 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2019: 487.823 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**17. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	3.752.055.452.389	9.260.142.750.658	363.067.834.525	97.939.330.868	162.849.615.924	13.636.054.984.364
Tăng trong kỳ	10.510.163.198	87.182.607.505	8.288.626.101	1.467.326.841	2.806.597.493	110.255.321.138
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	136.348.443.392	279.670.980.637	1.510.153.066	737.318.182	7.891.551.737	426.158.447.014
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	13.712.825.946	-	-	-	13.712.825.946
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.723.151.142)	-	-	-	-	(1.723.151.142)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(122.723.013.122)	-	-	-	-	(122.723.013.122)
Thanh lý	(1.208.543.854)	(83.075.845.482)	(6.015.523.022)	(35.059.091)	(2.892.388.232)	(93.227.359.681)
Giải do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(113.817.955.762)	(203.570.817.828)	(22.396.434.237)	(3.853.486.195)	(3.974.145.763)	(347.612.839.785)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	169.000.090	7.699.285.926	(12.048.580.763)	3.525.322.446	-	(654.972.301)
Số dư cuối kỳ	3.659.610.395.189	9.361.761.787.362	332.406.075.670	99.780.753.051	166.681.231.159	13.620.240.242.431

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	1.250.936.977.169	4.860.059.391.673	198.801.079.163	53.136.745.111	94.949.129.964	6.457.883.323.080
Khấu hao trong kỳ	84.260.880.681	320.442.137.024	14.906.930.877	3.619.084.934	8.562.580.683	431.791.614.199
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	5.781.993.868	-	-	-	5.781.993.868
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(129.236.336)	-	-	-	-	(129.236.336)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(20.068.457.430)	-	-	-	-	(20.068.457.430)
Thanh lý	(1.183.385.112)	(71.332.190.308)	(5.138.442.707)	(35.059.091)	(856.227.294)	(78.545.304.512)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(51.581.121.725)	(112.032.714.060)	(10.056.482.429)	(2.186.447.029)	(2.865.933.358)	(178.722.698.601)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(130.141.131)	927.142.787	(911.996.607)	96.435.772	-	(18.559.179)
Số dư cuối kỳ	1.262.105.516.116	5.003.845.760.984	197.601.088.297	54.630.759.697	99.789.549.995	6.617.972.675.089
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	2.501.118.475.220	4.400.083.358.985	164.266.755.362	44.802.585.757	67.900.485.960	7.178.171.661.284
Số dư cuối kỳ	2.397.504.879.073	4.357.916.026.378	134.804.987.373	45.149.993.354	66.891.681.164	7.002.267.567.342

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 1.815.746 triệu VND (1/1/2019: 1.702.144 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 690 triệu VND (1/1/2019: 5.821 triệu VND).  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.088.883 triệu VND (1/1/2019: 5.746.807 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 30).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	61.967.122.023	1.198.728.546	63.165.850.569
Tăng trong kỳ	9.454.071.276	322.666.674	9.776.737.950
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.830.088.089	-	12.830.088.089
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(13.712.825.946)	-	(13.712.825.946)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>70.538.455.442</b>	<b>1.521.395.220</b>	<b>72.059.850.662</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	8.763.009.106	139.851.670	8.902.860.776
Khấu hao trong kỳ	2.710.297.075	87.981.830	2.798.278.905
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.781.993.868)	-	(5.781.993.868)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.691.312.313</b>	<b>227.833.500</b>	<b>5.919.145.813</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	53.204.112.917	1.058.876.876	54.262.989.793
Số dư cuối kỳ	64.847.143.129	1.293.561.720	66.140.704.849

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	149.749.365.598	18.323.028.045	2.001.661.600	170.074.055.243
Tăng trong kỳ	-	1.293.055.064	-	1.293.055.064
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	654.972.301	-	654.972.301
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(1.732.295.200)	(762.488.684)	-	(2.494.783.884)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>148.017.070.398</b>	<b>19.508.566.726</b>	<b>2.001.661.600</b>	<b>169.527.298.724</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	24.128.893.232	12.499.536.970	782.915.509	37.411.345.711
Khấu hao trong kỳ	1.405.506.484	1.120.936.166	79.743.752	2.606.186.402
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	18.559.179	-	18.559.179
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	(416.945.735)	-	(416.945.735)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>25.534.399.716</b>	<b>13.222.086.580</b>	<b>862.659.261</b>	<b>39.619.145.557</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	125.620.472.366	5.823.491.075	1.218.746.091	132.662.709.532
Số dư cuối kỳ	122.482.670.682	6.286.480.146	1.139.002.339	129.908.153.167

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 6.410 triệu VND (1/1/2019: 7.025 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Hạ tầng khu công nghiệp VND</b>	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Vật kiến trúc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	155.150.373.372	54.785.392.603	1.381.963.673	211.317.729.648
Tăng trong kỳ	-	696.539.940	-	696.539.940
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	122.723.013.122	-	122.723.013.122
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>155.150.373.372</b>	<b>178.204.945.665</b>	<b>1.381.963.673</b>	<b>334.737.282.710</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	8.387.636.296	23.676.788.521	737.881.043	32.802.305.860
Khấu hao trong kỳ	2.112.799.416	919.080.702	89.067.819	3.120.947.937
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	20.068.457.430	-	20.068.457.430
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.500.435.712</b>	<b>44.664.326.653</b>	<b>826.948.862</b>	<b>55.991.711.227</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	146.762.737.076	31.108.604.082	644.082.630	178.515.423.788
Số dư cuối kỳ	144.649.937.660	133.540.619.012	555.014.811	278.745.571.483

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam là một số nhà kho, nhà xưởng, và trạm biến áp tại Ấp Tân Thái, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và căn hộ chung cư New Town Số 69, Đường 18, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26, Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên; và

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex là hệ thống cơ sở hạ tầng và nhà máy May Tuyên Quang tại Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang và hệ thống cơ sở hạ tầng cây xanh, mặt bằng, kho, nhà sản xuất của nhà máy may Hải Phòng tại Khu công nghiệp Tân Liên, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng.

Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

## 21. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	690.509.110.384	1.292.091.470.162
Tăng trong kỳ	207.154.774.360	339.317.300.658
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(426.158.447.014)	(769.234.566.864)
Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	(12.830.088.089)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(411.368.182)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(68.799.630.403)	(52.970.136)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>389.875.719.238</b>	<b>861.709.865.638</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ		
• Nhà máy Sợi Nam Định	18.858.345.490	17.326.009.802
• Dự án Khu liên hợp Sợi - Dệt - Nhuộm - May Quảng Nam	4.779.604.583	116.759.471.318
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
• Nhà máy Sợi 2	-	214.563.787.967
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy May	3.766.939.729	3.099.914.454
• Văn phòng Ngô Thì Nhậm	38.464.133.521	36.669.233.014
• Nhà máy Sợi Hưng Yên	5.978.198.948	5.973.859.190
• Dự án Nhà máy Sản xuất vải Vinafa	11.802.048.413	30.768.928.375
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đăk Lăk	-	12.493.091.904
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
• Nhà máy Dệt Nhuộm	12.303.471.777	10.500.489.959

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	18.756.327.415	17.290.017.451
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động Lực	315.045.271	577.844.086
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	13.262.879.215	13.262.879.215
• Các công trình khác	11.952.957.961	8.668.283.501
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
• Dự án khu nhà ở, trung tâm thương mại và siêu thị	-	63.028.648.030
▪ Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
• Dự án công nghệ sinh học	2.238.168.619	2.238.168.619
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú		
• Thi công xây dựng Xưởng dệt Jacquard	259.332.207	-
• Xưởng chuẩn bị	953.636.363	-
• Máy móc thiết bị	-	7.587.033.077
• Thi công hệ thống cơ điện dệt Ninh Thuận	54.000.000	-
• Hệ thống xử lý nước thải Dệt - Nhuộm giai đoạn 2 mở rộng	310.000.000	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Phân xưởng may	22.310.636.179	5.217.294.875
• Khuôn viên nhà 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lâm Đồng - Đà Lạt	7.025.979.466	6.993.979.466
• Dự án khăn bông và vải denim	42.638.964.843	16.139.806.496
• Dự án đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng Phong Phú - Lagi - Bình Thuận	-	3.710.986.028
▪ Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối		
• Hệ thống xử lý nước thải	29.700.088.853	16.061.813.845
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan		
• Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	57.787.367.229	25.863.971.739
▪ Các công trình khác	86.357.593.156	55.713.597.973
	389.875.719.238	690.509.110.384

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 269.123 triệu VND (1/1/2019: 583.224 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 30).

Trong kỳ, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 286 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 1.046 triệu VND).



Tập đoàn Dệt May Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND											
<b>22. Chi phí trả trước</b>													
<b>(a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>													
Trả trước phí bảo hiểm	4.210.980.139	4.297.869.772											
Chi phí trả trước về thuế hoạt động	3.104.735.356	4.124.839.490											
Công cụ dụng cụ	26.296.701.022	9.636.495.306											
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	17.001.101.181	8.626.108.977											
	50.613.517.698	26.685.313.545											
<b>(b) Chi phí trả trước dài hạn</b>													
Chi phí đất trả trước VND	187.982.306.791	187.982.306.791											
Số dư đầu kỳ	5.820.117.399	5.820.117.399											
Tăng trong kỳ	-	-											
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-											
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(6.197.223.088)	(6.197.223.088)											
Phân bổ trong kỳ	-	-											
Phân loại lại	-	-											
Số dư cuối kỳ	187.605.201.102	187.605.201.102											
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng trả trước VND	32.037.852.658	32.037.852.658											
Số dư đầu kỳ	76.732.421.855	76.732.421.855											
Tăng trong kỳ	15.811.300.730	15.811.300.730											
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.593.914.806	1.593.914.806											
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(912.111.187)	(912.111.187)											
Phân bổ trong kỳ	(30.426.791.269)	(30.426.791.269)											
Phân loại lại	4.100.481.851	4.100.481.851											
Số dư cuối kỳ	27.754.056.595	27.754.056.595											
Phụ tùng thay thế VND	14.930.765.079	14.930.765.079											
Số dư đầu kỳ	1.837.205.227	1.837.205.227											
Tăng trong kỳ	-	-											
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-											
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(4.934.124.632)	(4.934.124.632)											
Phân bổ trong kỳ	110.000.048	110.000.048											
Số dư cuối kỳ	11.943.845.722	11.943.845.722											
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	34.098.319.686	34.098.319.686											
Số dư đầu kỳ	15.294.112.590	15.294.112.590											
Tăng trong kỳ	(6.600.649.372)	(6.600.649.372)											
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	(8.075.837.081)	(8.075.837.081)											
Phân bổ trong kỳ	(4.131.725.561)	(4.131.725.561)											
Số dư cuối kỳ	30.584.220.262	30.584.220.262											
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*) VND	9.087.638.620	9.087.638.620											
Số dư đầu kỳ	-	-											
Tăng trong kỳ	-	-											
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-											
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(1.514.606.436)	(1.514.606.436)											
Phân bổ trong kỳ	-	-											
Số dư cuối kỳ	7.573.032.184	7.573.032.184											
Chi phí trả trước dài hạn khác VND	43.154.534.175	43.154.534.175											
Số dư đầu kỳ	13.004.078.880	13.004.078.880											
Tăng trong kỳ	-	-											
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	(13.414.800.417)	(13.414.800.417)											
Phân bổ trong kỳ	(11.385.164.683)	(11.385.164.683)											
Phân loại lại	(78.756.338)	(78.756.338)											
Số dư cuối kỳ	31.279.891.617	31.279.891.617											
Tổng cộng VND	398.023.838.864	398.023.838.864											
	51.766.814.826	51.766.814.826											
	1.593.914.806	1.593.914.806											
	(20.927.560.976)	(20.927.560.976)											
	(66.817.543.252)	(66.817.543.252)											
	-	-											
	363.639.464.268	363.639.464.268											

(\*) Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái được trình bày ở Thuyết minh 3(b).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	1.412.139.623	1.479.176.660
Các khoản mục khác	20%	3.699.030.941	4.514.194.066
TỔNG TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI		5.111.170.564	5.993.370.726
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	57.627.428.127	55.700.980.180

**24. Lợi thế thương mại**

	VND
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	57.604.599.256
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	54.518.220.300
Khấu hao trong kỳ	3.086.378.956
Số dư cuối kỳ	57.604.599.256
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu kỳ	3.086.378.956
Số dư cuối kỳ	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
▪ Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	133.271.979.863	105.086.780.392
▪ Phải trả người bán khác	988.229.504.473	1.207.353.456.338
	1.121.501.484.336	1.312.440.236.730
	1.121.501.484.336	1.312.440.236.730

(\*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	66.745.132.761	51.230.741.233
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	11.673.531.645	14.415.837.714
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	53.663.353.404	39.316.412.046
Các công ty liên quan khác	1.189.962.053	123.789.399
	133.271.979.863	105.086.780.392
	133.271.979.863	105.086.780.392

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong kỳ VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con VND	30/6/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.290.643.391	3.780.047.906	(5.116.052.023)	-	9.954.639.274
Thuế xuất nhập khẩu	1.150.920.661	254.506.727	(555.002.429)	-	850.424.959
Thuế nhà đất	-	684.705.575	-	-	684.705.575
Các loại thuế khác	2.694.891.544	3.770.330.051	(5.781.140.536)	(26.696.891)	657.384.168
Các khoản khác	86.734.219	50.577.425	(38.303.300)	-	99.008.344
	15.223.189.815	8.540.167.684	(11.490.498.288)	(26.696.891)	12.246.162.320

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	26.088.037.254	265.899.429.785	(267.506.668.295)	(1.992.790.151)	22.488.008.593
Thuế xuất nhập khẩu	-	697.076.383	(614.595.759)	-	82.480.624
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.763.223.122	18.236.185.187	(22.957.347.144)	(3.385.348.626)	9.656.712.539
Thuế thu nhập cá nhân	7.387.478.968	25.277.452.611	(30.625.053.403)	-	2.039.878.176
Thuế tài nguyên	144.799.653	937.734.820	(919.173.291)	-	163.361.182
Thuế nhà đất	13.752.101.178	394.873.518	(283.736.496)	-	13.863.238.200
Tiền thuế đất	17.150.917.325	9.371.850.832	(21.892.207.043)	-	4.630.561.114
Các loại thuế khác	45.053.764	519.745.788	(421.548.545)	(140.777.000)	2.474.007
	82.331.611.264	321.334.348.924	(345.220.329.976)	(5.518.915.777)	52.926.714.435

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	50.956.445.003	49.622.386.642
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	5.440.630.349	6.244.307.466
Chi phí gia công thuê ngoài	3.038.154.351	4.841.847.649
Phí hoa hồng	5.709.572.073	7.078.538.027
Chi phí cải tạo, sửa chữa	15.423.550.409	20.604.944.282
Chi phí hoạt động	3.309.747.365	5.312.805.942
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	4.626.217.318	4.904.976.118
Chi phí phải trả khác	13.444.238.128	13.811.527.871
	<hr/>	<hr/>
	101.948.554.996	112.421.333.997
	<hr/>	<hr/>

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	24.665.472.000	25.614.144.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
	24.665.472.000	24.665.472.000
	<hr/>	<hr/>

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055) được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo năm 2012 của Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	360.509.747.843	360.509.747.843
Phải trả cổ tức	9.458.994.845	73.126.676.721
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	32.096.891.914	35.792.081.114
Phải trả lãi vay cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	17.919.375.841	20.117.470.886
Phải trả lãi vay khác	19.583.962.511	14.237.106.733
Quỹ từ thiện	4.789.085.473	4.070.700.155
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN	7.562.091.012	7.562.091.012
Phải trả về cổ phần hóa	5.652.438.800	5.705.200.229
Phải trả tiền hỗ trợ xây dựng nhà máy	11.768.950.175	11.986.748.090
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	1.712.461.084	439.607.118
Các khoản phải trả khác	45.836.446.932	70.601.642.335
	<b>516.890.446.430</b>	<b>604.149.072.236</b>

(\*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ (“Công văn 17623”). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc giữa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	45.037.427.000
Nhận góp vốn dài hạn	5.226.000.000	6.826.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	9.212.500.000	14.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.145.934.505	21.005.654.052
	<b>80.621.861.505</b>	<b>87.081.581.052</b>

(\*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại Số 67 Phố Ngô Thì Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

**29. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<b>30/6/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Doanh thu nhận trước	268.342.505.315	239.723.692.421
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(6.582.968.809)	(6.481.730.833)
	<b>261.759.536.506</b>	<b>233.241.961.588</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**30. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính**

**(a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	1/1/2019		Biến động trong kỳ		30/6/2019	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	5.006.819.891.406	8.270.214.919.042	(7.676.171.047.346)	(338.163.572.008)	6.458.531.486	5.269.158.722.580
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 30(b)(i))	569.998.758.238	205.756.379.343	(251.869.287.678)	(5.099.953.000)	1.067.200.956	519.853.097.859
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	130.000.000.000	-	(130.000.000.000)	-	-	-
Nợ gốc thuế tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	20.127.416.832	4.881.951.259	(11.101.302.199)	-	-	13.908.065.892
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	880.410.000	-	-	(880.410.000)	-	-
	5.727.826.476.476	8.480.853.249.644	(8.069.141.637.223)	(344.143.935.008)	7.525.732.442	5.802.919.886.331

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, trong khoản vay ngắn hạn có 1.164.195 triệu VND (1/1/2019: 2.062.111 triệu VND) là khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 tổng cộng là 1.238.296 triệu VND (1/1/2019: 2.340.107 triệu VND) (các Thuyết minh 10, 11, 12, 16, 17 và 21). Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 2,7% đến 10,5% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 1,5% đến 10%).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng và chịu lãi suất năm từ 2,85% đến 10% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 1,3% đến 10%).

**(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	4.989.269.537.709	5.150.463.976.252
Trái phiếu thường	-	130.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	54.851.803.327	38.082.409.758
Nợ dài hạn khác	-	35.865.983.097
	5.044.121.341.036	5.354.412.369.107
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 30(a))	(533.761.163.751)	(721.006.585.070)
	4.510.360.177.285	4.633.405.784.037

**(i) Vay dài hạn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, trong khoản vay dài hạn bao gồm:

- 3.109.945 triệu VND (1/1/2019: 2.508.432 triệu VND) là khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 4.569.690 triệu VND (1/1/2019: 5.586.230 triệu VND) (các Thuyết minh 10, 11, 12, 16, 17 và 21). Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 3% đến 12,6% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 2,5% đến 11%).
- khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ là 1.634.176 triệu VND (1/1/2019: 1.626.827 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 153.320 triệu VND (1/1/2019: 162.741 triệu VND);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 863.320 triệu VND (1/1/2019: 882.808 triệu VND);
- các khoản tương đương tiền của tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2019: 110.000 triệu VND);
- Các khoản vay từ cá nhân dưới dạng tín chấp và chịu lãi suất năm từ 2,5% đến 10% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 2,5% đến 11%).

### 31. Dự phòng phải trả

Biến động của các khoản dự phòng phải trả trong kỳ như sau:

	<b>Chi phí di dời VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	68.001.284.965	2.675.092.625	70.676.377.590
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	90.000.000	90.000.000
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(93.129.875)	(93.129.875)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>68.001.284.965</b>	<b>2.671.962.750</b>	<b>70.673.247.715</b>
<i>Trong đó:</i>			
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	90.000.000	90.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	68.001.284.965	2.581.962.750	70.583.247.715

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	151.092.984.303	155.227.742.100
Trích lập trong kỳ	70.922.095.691	90.512.145.047
Sử dụng trong kỳ	(38.465.742.070)	(79.513.205.654)
Giảm do mất quyền kiểm soát ở công ty con	(1.846.645.831)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	181.702.692.093	166.226.681.493

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**33. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

Số dư tại ngày 1/1/2018	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
	5.000.000.000,000	29.911.650,892	42.248.630,739	(742.835,089,736)	494.461,905,677	10.981.645,059	569.477,391,709	550.677,792,232	1.833.965,919,812	7.788.889,846,384	32.422.652,022	7.821.312.498.406
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	12.475.730,500	12.475.730,500	-	12.475.730,500
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	278.950,543,540	-	178.748,841,056	457.699,384,596	-	457.699,384,596
Nguồn kinh phí nhận được từ Nhà nước	-	-	-	3.296,846,453	-	-	-	-	-	3.296,846,453	-	3.296,846,453
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	26.025,932	26.025,932
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	34.648,935,986	103,363,465	(34.752,299,451)	-	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(2.513,949,307)	-	(71,999,450,928)	-	(18.512,694,119)	(90.512,145,047)	(15,500,000)	(90.512,145,047)
Cổ tức (Thuyết minh 35)	-	-	-	-	-	-	(250,000,000,000)	-	(156,114,029,435)	(406,114,029,435)	(1,020,813,510)	(406,114,029,435)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	(1,410,750)	(824,211,613)	-	-	780,080,338	-	(313,606,075)	(359,448,100)	-	(1,379,961,610)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2018</b>	<b>5.000.000.000,000</b>	<b>29.911.650,892</b>	<b>42.247.219,989</b>	<b>(740,362,454,896)</b>	<b>526,596,892,356</b>	<b>11,085,008,524</b>	<b>492,456,265,208</b>	<b>550,677,792,232</b>	<b>1,847,175,557,454</b>	<b>7,759,787,931,759</b>	<b>31,412,364,444</b>	<b>7,791,200,296,203</b>
<b>Số dư tại ngày 1/1/2019</b>	<b>5.000.000.000,000</b>	<b>29.911.650,892</b>	<b>42,248,630,739</b>	<b>(740,362,454,896)</b>	<b>526,746,543,959</b>	<b>-</b>	<b>657,194,845,550</b>	<b>550,677,792,232</b>	<b>1,899,300,912,234</b>	<b>7,965,717,920,710</b>	<b>30,381,025,002</b>	<b>7,996,098,945,712</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	20,036,560,000	20,036,560,000	-	20,036,560,000
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	17,650,775,922	-	(221,982,319,211)	-	126,600,448,828	348,582,768,039	-	348,582,768,039
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(59,622,000,356)	-	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(3,577,310,884)	-	(300,000,000,000)	-	(11,300,095,335)	(70,922,095,691)	-	(70,922,095,691)
Cổ tức (Thuyết minh 35)	-	-	-	-	-	-	-	-	(27,046,040,016)	(30,623,350,900)	(1,020,813,510)	(51,644,164,410)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	(142,272,523,232)	(442,272,523,232)	-	(442,272,523,232)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	2,916,000,000	5,630,079,185	1,039,112,125	-	(12,393,960,116)	-	2,036,199,030	2,116,297,229	-	2,116,297,229
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	(9,505,093,111)	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2019</b>	<b>5.000.000.000,000</b>	<b>29,911,650,892</b>	<b>45,164,630,739</b>	<b>(734,732,375,711)</b>	<b>541,859,121,122</b>	<b>-</b>	<b>480,005,335,256</b>	<b>550,677,792,232</b>	<b>1,784,596,541,019</b>	<b>7,697,482,695,549</b>	<b>29,360,211,492</b>	<b>7,726,842,907,041</b>

(\*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phân ảnh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	<b>30/6/2019 và 1/1/2019</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<hr/>		
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<hr/>		
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<hr/>		

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>		
	<b>30/6/2019 và 1/1/2019</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	87.561.900	875.619.000.000	17,51%
<hr/>			
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%
<hr/>			

(\*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2018 là 300.000 triệu VND (tỷ lệ 6% trên mệnh giá) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 250.000 triệu VND).

**36. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**37. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất</b>		
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	235.664.195.144	235.664.195.144
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
<b>Nguồn khác</b>	7.584.947.009	7.584.947.009
	<hr/> 550.677.792.232	<hr/> 550.677.792.232

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	24.693.736.303	24.233.316.886
Trong vòng hai đến năm năm	99.130.032.235	107.993.093.534
Sau năm năm	123.656.373.710	130.799.476.066
	247.480.142.248	263.025.886.486

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2019</b>		<b>1/1/2019</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.579.517	83.084.512.189	5.884.734	135.819.847.264
EUR	42.314	1.094.808.574	28.888	831.597.075
		84.179.320.763		136.651.444.339

**(c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi		15.622.379.174	15.622.379.174
			26.036.550.617	26.036.550.617



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.009.242.614.928	476.992.292.584
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	129.483.231.404	114.835.947.603
	1.138.725.846.332	591.828.240.187

**39. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	9.059.544.515.898	9.186.809.444.387
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	248.543.037.566	214.216.465.617
▪ Hợp đồng xây dựng	-	1.036.177.654
▪ Bán và cho thuê bất động sản	44.536.379.404	4.168.546.817
	9.352.623.932.868	9.406.230.634.475
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(9.063.806.117)	(8.917.867.920)
▪ Giảm giá hàng bán	(7.583.542.296)	(300.562.195)
▪ Hàng bán bị trả lại	(5.349.539.127)	(4.765.265.331)
	(21.996.887.540)	(13.983.695.446)
Doanh thu thuần	9.330.627.045.328	9.392.246.939.029

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	8.370.018.542.399	8.351.056.202.936
▪ Dịch vụ đã cung cấp	161.186.541.140	113.296.237.997
▪ Hợp đồng xây dựng	-	994.728.256
▪ Bán và cho thuê bất động sản	37.732.578.901	3.943.075.641
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(24.748.540.876)	1.887.230.289
	<hr/>	<hr/>
	8.544.189.121.564	8.471.177.475.119
	<hr/>	<hr/>

**41. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	82.158.804.170	64.570.552.423
Lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh	-	12.053.186.500
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	50.551.195.070
Lãi thuần do thoái vốn đầu tư vào công ty con	7.024.869.827	1.306.596.323
Cổ tức được chia	24.036.902.187	17.244.896.339
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.345.671.309	10.979.124.984
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.073.912.541	5.594.123.006
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.081.050.104	2.626.649.536
	<hr/>	<hr/>
	141.721.210.138	164.926.324.181
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**42. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	256.670.540.096	204.965.834.959
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.753.048.954	16.326.323.172
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.445.348.248	42.147.947.944
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5.814.774.234	6.400.558.787
Chi phí tài chính khác	7.352.920.924	5.362.005.914
	<hr/>	<hr/>
	302.036.632.456	275.202.670.776
	<hr/>	<hr/>

**43. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	41.848.626.739	31.324.927.813
Chi phí công cụ và dụng cụ	2.789.658.427	2.851.332.516
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.942.654.626	734.009.941
Chi phí vận chuyển	55.844.704.436	58.135.830.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.553.938.296	101.705.729.070
Chi phí bao bì	14.728.952.680	14.271.662.821
Chi phí hoa hồng	13.000.233.224	11.800.642.751
Chi phí xuất nhập khẩu	10.874.873.614	6.097.834.129
Chi phí bán hàng khác	18.289.911.521	18.198.240.375
	<hr/>	<hr/>
	264.873.553.563	245.120.210.179
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**44. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên văn phòng	188.191.417.945	186.227.966.337
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	15.864.394.254	9.395.186.375
Chi phí khấu hao và phân bổ	17.353.340.666	20.665.614.124
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(12.093.994.636)	2.730.408.699
Thuế, phí và lệ phí	15.688.803.175	14.934.700.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.250.981.397	90.465.923.497
Tiền thuê đất	10.921.350.300	11.755.355.624
Công tác phí	5.017.088.804	5.805.597.596
Chi phí tiếp khách	7.864.625.583	8.982.626.561
Chi phí đào tạo	2.544.983.883	2.803.805.882
Chi phí khác	42.426.958.955	59.930.206.821
	<b>382.029.950.326</b>	<b>413.697.392.153</b>

**45. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tiền thu được do thanh lý tài sản cố định	19.263.901.041	10.574.297.295
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	20.244.740.259	11.939.918.636
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	1.114.068.658	881.673.567
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.856.357.337	2.041.438.636
Thu từ các khoản khác	10.424.387.546	8.246.316.354
	<b>52.903.454.841</b>	<b>33.683.644.488</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**46. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	14.682.055.169	9.577.030.955
Phạt vi phạm thuế	181.388.276	356.159.004
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	610.490.980	2.574.773.018
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	1.214.482.747	777.478.049
Chi các khoản khác	13.202.755.310	6.859.896.043
	<hr/>	<hr/>
	29.891.172.482	20.145.337.069
	<hr/>	<hr/>

**47. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.174.314.249.823	4.796.157.334.429
Chi phí nhân viên	1.615.068.487.217	1.679.824.954.971
Chi phí khấu hao	448.579.815.977	466.172.341.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	982.608.565.368	1.290.906.271.145
Chi phí khác	169.014.160.562	316.844.990.387
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**48. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	18.236.185.187	40.492.739.939
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	656.800.083
	18.236.185.187	41.149.540.022
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.808.648.109	5.436.943.411
	21.044.833.296	46.586.483.433

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	369.627.601.335	504.285.868.029
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	73.925.520.267	100.857.173.606
Ưu đãi thuế	(2.004.218.892)	(1.915.085.167)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(1.675.558.806)	(5.556.975.351)
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.860.690.364	7.863.899.651
Thu nhập không bị tính thuế	(78.286.644.721)	(71.203.388.393)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(9.067.878.321)	(704.474.708)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	31.292.923.405	16.588.533.712
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	656.800.083
	21.044.833.296	46.586.483.433

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**49. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền. Chi tiết như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ	221.982.319.211	278.950.543.540
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(29.811.000.178)	-
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	192.171.319.033	278.950.543.540
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	500.000.000	500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	384	558
	<hr/>	<hr/>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn Dệt May Việt Nam ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở của số đã trích cho năm 2018.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 49(a)))	192.171.319.033	278.950.543.540
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000	500.000.000
Anh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (Thuyết minh 37)	55.067.779	55.067.779
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	555.067.779	555.067.779
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần	346	503

**50. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>30/6/2019</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	95.717.727.385	11.928.793.813
Bán hàng hóa	125.507.360.625	154.078.961.000
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.000.000	467.083.304
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	474.194.795	-
Mua hàng	296.245.909	-



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
<b>Tổng Công ty May 10 - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	542.667.152	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.664.605.455	6.864.383.721
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.901.603.980	273.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.645.703.535	1.017.307.299
<b>Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.401.757.673	7.521.621.889
Mua hàng hóa và dịch vụ	642.001.372	72.189.823.636
<b>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	82.050.500	5.660.567.581
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 2</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	783.312.525
<b>Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	6.985.737.948	7.817.777.620
Mua hàng hóa	-	505.829.355
<b>Tổng Công ty Đức Giang - CTCP</b>		
Mua hàng hóa	1.141.195.359	580.730.588
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế</b>		
Mua hàng hóa	-	13.331.293.950
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	518.625.430	373.836.090
Mua hàng hóa và dịch vụ	28.361.738.610	25.860.596.489
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoo - Thủ Đức</b>		
Lãi vay	-	121.923.612
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	50.823.885.571
<b>Công ty CP Dệt May Liên Phương</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	28.127.138.101	-
Thu nhập khác	15.267.600.000	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Công ty May V Dệt may Nam Định</i></b>		
Khoản cho vay	2.700.000.000	-
Nhận hoàn trả khoản vay	3.900.000.000	-
Bán hàng hóa	577.236.639	-
<b><i>Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam</i></b>		
Bán hàng hóa	71.370.437	-
Mua hàng hóa	38.758.157.257	-
<b><i>Công ty CP May 1 Dệt Nam Định</i></b>		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.355.768.431	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát</b>		
Thù lao đã trả	3.118.987.914	2.896.844.547

**51. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2019</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay nhập gốc	-	2.375.511.831
Bù trừ khoản phải thu cổ tức và phải trả khác của Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	-	4.526.480.000
Tặng tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	9.776.737.950	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 52. Số liệu so sánh

Ngày 28 tháng 4 năm 2018, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, công ty con cấp 1 của Tập đoàn đã có biên bản thanh lý hợp đồng góp vốn vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tại Dự án Khu công nghiệp Đồng Mai trị giá 225 tỷ VND. Khoản góp vốn này được ghi nhận là phải thu dài hạn khác thay vì phải thu ngắn hạn khác trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019. Trong kỳ, Cơ quan Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định điều chỉnh hồi tố thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 liên quan đến vấn đề này.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2019 (điều chỉnh lại) VND	1/1/2019 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu ngắn hạn khác	1.128.786.266.023	903.786.266.023
Phải thu dài hạn khác	450.751.808.800	675.751.808.800

Ngoại trừ các điều chỉnh nói trên, số liệu so sánh được mang sang từ i) các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh có liên quan và ii) số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

**Phụ lục I**

Các công ty con cấp I của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
1	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
2	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	100%	100%	164.474.782.024	164.474.782.024	-	-
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,74%	80,74%	29.337.000.000	29.337.000.000	17.762.279.263	17.762.279.263
4	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	66,51%	66,51%	26.922.700.000	26.922.700.000	11.081.560.000	11.081.560.000
5	Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	40.800.000.000	40.800.000.000	-	-
6	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ	64,96%	64,96%	146.156.210.000	146.156.210.000	-	-
7	Công ty Cổ phần Len Việt Nam	68,77%	68,77%	27.531.200.000	27.531.200.000	1.300.000.000	1.300.000.000
8	Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	29.250.000.000	29.250.000.000	-	-
9	Công ty Cổ phần Dệt May Huế	63,90%	63,90%	63.898.240.000	63.898.240.000	-	-
10	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	72.997.000.000	72.997.000.000	-	-
11	Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	27.500.000.000	27.500.000.000	-	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex (i)	-	51,06%		37.275.000.000	-	5.250.000.000
12	Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	374.087.960.000	374.087.960.000	-	-
13	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	521.697.862.979	521.697.862.979	-	-
14	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	193.274.909.291	193.274.909.291	-	-
15	Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng (ii)	55,52%	52%	33.800.000.000	13.000.000.000	-	-

(i) Trong năm, các cổ đông thiểu số của Công ty này đã mua thêm cổ phần, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty này. Công ty này trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

(ii) Trong năm, công ty đã phát hành thêm cổ phiếu cho Tập đoàn và các cổ đông khác, qua đó làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty này.

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>									
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	49,94%	49,94%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	35,19%	35,19%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	53,09%	53,09%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
4	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	64,96%	64,96%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
5	Công ty Cổ phần Hòa Thọ Thăng Bình	33,13%	33,13%	51,00%	51,00%	26.520.000.000	26.520.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định</b>									
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.836.200.000	2.836.200.000	-	-
7	Công ty TNHH Một thành viên Chấn Len – Dệt may Nam Định	53,67%	53,67%	100%	100%	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
8	Công ty Cổ phần May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-	-
9	Công ty Cổ phần Dệt Khấn Dệt May Nam Định	33,59%	33,59%	62,58%	62,58%	5.632.500.000	5.632.500.000	-	-
	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định (i)	-	48,78%	45,97%	90,88%	13.791.000.000	27.264.000.000	-	-

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019			30/6/2019
<b>Công ty con của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam</b>								
10	Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên	29,80%	29,80%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-
11	Công ty Cổ phần Bông & Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung	42,91%	42,91%	49,81%	49,81%	4.550.000.000	4.550.000.000	3.250.000.000
12	Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Nha Hồ	29,70%	29,70%	54,00%	54,00%	10.800.780.000	10.800.780.000	-
<b>Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex</b>								
	Công ty Cổ phần May Nam An (ii)	-	31,50%	64,33%	64,33%	15.440.000.000	15.440.000.000	-
	Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa (ii)	-	36,72%	100%	75,00%	30.000.000.000	22.500.000.000	-
	Công ty TNHH May Vinatex Bồng Sơn (ii)	-	48,97%	100%	100%	30.000.000.000	30.000.000.000	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>								
	Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam (i)	-	30,55%	35,99%	60,99%	25.297.321.208	36.817.040.000	-
13	Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	26,04%	26,04%	51,97%	51,97%	96.143.750.000	96.143.750.000	-
14	Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	35,57%	35,57%	71%	71%	63.900.000.000	63.900.000.000	-

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
<b>Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex</b>									
15	Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	128.068.211.370	128.068.211.370	-	-
16	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
17	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh (iii)	87,75%	68,86%	87,75%	68,86%	62.200.000.000	37.200.000.000	-	-

(i) Đây là các công ty con được chuyển thành các công ty liên kết trong năm.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex đã chuyển thành công ty liên kết trong kỳ nên ba công ty này không còn là công ty con cấp 2 của Tập đoàn.

(iii) Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đã chuyển giao cổ phần tại công ty con cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex qua đó làm tăng tỉ lệ sở hữu của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex và Tập đoàn tại công ty con này.

**Phụ lục 3**

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>									
1	Cty Cổ phần Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
2	Công ty Cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan	43,70%	43,70%	75,90%	75,90%	25.503.100.000	25.503.100.000	-	-
3	Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.000.000	5.107.000.000	-	-
4	Công ty Cổ phần May Halotexco	37,75%	37,75%	53,64%	53,64%	3.755.000.000	3.755.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
5	Công ty Cổ phần May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
6	Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
7	Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex	31%	31%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex	77,27%	77,27%	60,51%	60,51%	22.992.000.000	22.992.000.000	15.008.000.000	15.008.000.000



**Phụ lục 4**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
<b>Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	27,69%	27,69%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty May Đức Giang – Công ty Cổ phần	35,20%	35,20%	25.287.630.000	25.287.630.000
3	Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty Cổ phần May Bình Minh	25,00%	25,00%	13.230.000.000	13.230.000.000
5	Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	34.766.360.000	34.766.360.000
6	Công ty Cổ phần May Đồng Nai	25,70%	25,70%	28.108.080.000	28.108.080.000
7	Công ty Cổ phần Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
8	Công ty Cổ phần May Chiến Thắng	21,99%	21,99%	6.120.000.000	6.120.000.000
9	Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng	30,00%	30,00%	9.000.000.000	9.000.000.000
10	Công ty Cổ phần May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	12.621.000.000	12.621.000.000
11	Công ty Cổ phần May Nam Định	30,00%	30,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
12	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3.564.000.000	3.564.000.000
13	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
14	Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	134.059.200.000	134.059.200.000
15	Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
16	Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	33,82%	33,82%	102.273.980.000	102.273.980.000
17	Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	40,40%	40,40%	85.346.535.875	85.346.535.875
18	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	30,77%	30,77%	95.877.720.000	95.877.720.000
19	Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	29.700.000.000	29.700.000.000
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex (i)	48,15%	-	37.275.000.000	-
<b>Công ty liên kết của Tổng Công Ty Cổ phần Dệt may Nam Định</b>					
21	Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định	19,32%	19,32%	2.700.000.000	2.700.000.000
22	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định	26,81%	26,81%	31.100.000.000	31.100.000.000
23	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	19,32%	19,32%	1.980.000.000	1.980.000.000

**Phụ lục 4**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
24	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định (i)	24,67%	-	13.791.000.000	-

**Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội**

25	Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
----	---------------------------------------	--------	--------	---------------	---------------

**Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

26	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	17,69%	17,69%	4.000.000.000	4.000.000.000
27	Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam	20,88%	20,88%	6.428.000.000	6.428.000.000

**Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú**

28	Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	80.347.424.000	80.347.424.000
29	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,77%	10,77%	10.000.000.000	10.000.000.000
30	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	35,27%	35,27%	10.048.648.520	10.048.648.520
31	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	144.596.306.997	144.596.306.997
32	Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú (ii)	17,13%	19,74%	7.755.326.237	8.011.203.600
33	Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam (i)	18,03%	-	21.724.480.000	-

**Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex**

	Công ty Cổ phần May Vinatex Hương Trà (iii)	-	12,24%	7.500.000.000	7.500.000.000
--	---	---	--------	---------------	---------------

- (i) Đây là công ty con được chuyển thành công ty liên kết trong năm.
- (ii) Trong kỳ, Tập đoàn đã bán một số cổ phần tại Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú.
- (iii) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex trở thành Công ty liên kết của Tập đoàn, do đó Công ty Cổ phần May Vinatex Hương Trà không còn là công ty liên kết của Tập đoàn trong kỳ này.

Số: 576 /TĐDMVN-TCKT  
v/v: giải trình một số vấn đề  
trong BCTC soát xét bán niên  
năm 2019

*Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019*

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) xin giải trình một số vấn đề trong báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán KPMG như sau:

1. Về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2019:

Công ty TNHH Coats Phong Phú (Coats Phong Phú) là công ty liên kết của Tổng công ty Cổ phần Phong Phú (công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam), trong đó TCT CP Phong Phú sở hữu 35% vốn điều lệ của Coats Phong Phú. Do đó, khi hợp nhất BCTC, Tập đoàn ghi nhận khoản đầu tư vào Coats Phong Phú theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 480 tỷ VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2019 (1/1/2019: 434 tỷ VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong LNST thu nhập doanh nghiệp cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 của Coats Phong Phú là 126 tỷ VND (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 83 tỷ VND), đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày.

Do mức độ ảnh hưởng trọng yếu của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất của Tập đoàn, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã đề nghị TCT CP Phong Phú và Coats Phong Phú cho phép KPMG tiếp cận các tài liệu liên quan đến công tác soát xét BCTC bán niên năm 2019 của Coats Phong Phú.

Tuy nhiên, đến ngày 29/8/2019 là thời điểm phát hành BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2019 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo hạn định, KPMG vẫn chưa được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Coats Phong Phú cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Coats Phong Phú. Do đó, KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các ảnh hưởng có thể có của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2019 của Tập đoàn.

2. Kết quả kinh doanh lũy kế trên BCTC hợp nhất quý 2/2019 đã công bố so với BCTC hợp nhất bán niên năm 2019 đã được soát xét có sự chênh lệch trên 5%:

- LNST lũy kế trên BCTC hợp nhất quý 2/2019: 382.564.090.925 đồng
- LNST 6 tháng năm 2019 trên BCTC soát xét hợp nhất: 348.582.768.039 đồng

Chênh lệch giảm: 33.981.322.886 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 8,88% so với số trước soát xét.

Nguyên nhân chính:

Tập đoàn Dệt May Việt Nam là đơn vị có 40 công ty con, 33 công ty liên kết và rất nhiều các khoản đầu tư tài chính khác. BCTC hợp nhất quý 2/2019 của Tập đoàn được lập trên cơ sở BCTC quý 2/2019 của các công ty con, công ty liên kết. Khi soát xét BCTC hợp nhất của Tập đoàn, đơn vị kiểm toán đã điều chỉnh số liệu theo BCTC đã soát xét của các công ty con, công ty liên kết. Do đó, sự chênh lệch kết quả kinh doanh giữa BCTC trước và sau khi soát xét của số lượng lớn các công ty con, công ty liên kết đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất sau soát xét của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lê Tiến Trường**